

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Lan Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Bà Vũ Thị Lan Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị Thúy V** sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động ở Đài Loan.

Căn cước công dân số 03417800XXXX do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 17/8/2016.

**Bị đơn:** anh **Phạm Đức H** sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số 01408000XXXX do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 19/01/2018.

(Chị V, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy V trình bày:**

Chị và anh Phạm Đức H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2007. Ngày 09/10/2008, chị sinh con Phạm T2 nhưng đến ngày 20/12/2008 chị và anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị Minh X1 ở thôn 2, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

Cuối năm 2010, chị và anh H sang tỉnh Ninh Bình thuê nhà ở và làm ăn tại địa chỉ thôn X2, xã N, huyện H1, tỉnh Ninh Bình. Từ khoảng tháng 6 năm 2011 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn mà còn thường xuyên uống rượu say xỉn. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà còn đánh đập chị nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi con. Do anh H không chịu làm ăn lại còn chơi bời nên kinh tế gia đình rất khó khăn; ngày 18/5/2017, chị sang Đài Loan để lao động kiếm tiền. Khoảng cuối năm 2018, anh H đưa cháu T2 về ở cùng với bố mẹ chị. Từ khi sang Đài Loan cho đến đầu năm 2022, chị làm lụng vất vả để kiếm tiền gửi về cho anh H hơn 200.000.000 đồng nhưng anh H đã không tiết kiệm để mua sắm tài sản và chăm lo cho con mà đã dùng số tiền chị gửi về để chơi lô đề và còn thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt ngay chính tại nhà bố mẹ đẻ chị, nhiều lần anh H say rượu còn cãi nhau cả với bố mẹ chị và anh rêu chị là anh T3 làm cho chị và gia đình chị rất bức xúc. Chị xác định là không thể tiếp tục chung sống với anh H được nên vào khoảng đầu tháng 4/2022, chị điện thoại cho anh H bảo anh H nộp đơn ly hôn ra Tòa án giải quyết, anh H ra điều kiện cho chị là phải gửi cho anh H 30.000.000 đồng thì anh mới nộp đơn ly hôn, chị đồng ý. Ngày 27/4/2022, chị tạm gửi về cho anh H 20.000.000 đồng (gửi qua tài khoản của con gái riêng của chị là cháu Vũ Thị H2, cháu H2 đưa trực tiếp cho anh H). Nhưng sau khi nhận được tiền từ cháu H2, anh H đã tiêu hết số tiền này và rút đơn ly hôn về.

Khoảng giữa tháng 5/2022, giữa anh H và bố mẹ chị lại xảy ra mâu thuẫn, mẹ chị đã đuổi anh H ra khỏi nhà. Anh H đã thu dọn đồ đạc và đưa cháu T2 về ở nhà của bố đẻ anh H tại thôn X, xã X2, huyện T1, tỉnh Thái Bình nhưng anh H đã không cho cháu đi học tiếp mà đưa cháu đi vào miền Nam chơi và có ý định cho cháu nghỉ học để đi học nghề cắt tóc. Tháng 8/2022, chị nhiều lần gọi điện thoại cho anh H bảo anh H đưa cháu T2 về nhà ông bà ngoại để cho cháu học tiếp nên đến đầu tháng 9/2022, anh H đã dẫn cháu T2 về nhà ông bà ngoại để cháu tiếp tục đi học. Xác định không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng với anh H được nữa nên chị đã nghỉ phép để về Việt Nam giải quyết ly hôn. Trưa ngày 03/11/2022, chị đã nhờ con rể là cháu Khiếu Văn H3 sinh năm 1994, địa chỉ tại thôn A, xã S1, huyện V2, tỉnh Thái Bình liên lạc với anh H qua ứng dụng Facebook Messenger để bảo anh H ở nhà để mẹ con chị xuống thấp hương cho

bố mẹ của anh H đồng thời nói chuyện ly hôn nhưng anh H đã trả lời là anh H không có nhà, việc chị muốn ly hôn thì phải gặp anh ấy nói chuyện chứ anh ấy không đi lên Tòa án. Buổi chiều ngày 03/11/2022, chị cùng cháu H3 đã xuống nhà cô ruột anh H là bà Phạm Thị H4 địa chỉ ở khu vực Cầu V3, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình để nắm bắt tình hình của anh H. Bà H4 nói chuyện với chị là anh H yếu, không làm gì, hôm trước bà phải mang gạo và mua thức ăn cho anh H. Sau khi ở nhà bà H4 về, chị và cháu H3 có xuống nhà chú anh H là ông Phạm Xuân T4 ở cùng thôn với anh H để thấp hương cho ông nội anh H thì bà X3 vợ ông T4 có nói với chị là anh H đi loanh quanh đâu đó. Chị nghĩ là anh H cố tình tránh mặt, gây khó khăn cho chị nên chị không chờ anh H nữa mà gửi lại hoa quả nhờ bà X3 đưa cho anh H thấp hương bố mẹ.

Vì thời gian của chị có hạn, mà anh H cố tình trốn tránh nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho chị ổn định đời sống.

Về con chung: chị và anh H có 1 con chung là cháu Phạm T2 sinh ngày 09/10/2008. Hiện nay cháu T2 đang ở với bố mẹ chị. Hàng tháng, chị vẫn gửi tiền về cho bố mẹ chị chi phí học hành và nuôi dưỡng cháu T2. Chị yêu cầu Tòa án giao cháu T2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì thực tế anh H không có việc làm, không có thu nhập, không có khả năng trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị cam đoan, đảm bảo mọi quyền lợi cho con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

**\* Bị đơn – anh Phạm Đức H trình bày:**

Anh và chị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, đến ngày 09/10/2008 anh chị sinh 01 con chung là Phạm T2. Ngày 20/12/2008, anh và chị V mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho cháu T2 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh và chị V chung sống cùng với bố mẹ đẻ chị V là ông S bà X1 tại V1, V2, Thái Bình. Cuối năm 2010, vợ chồng sang thành phố Ninh Bình (quê mẹ đẻ anh) để thuê nhà ở và làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng có va chạm, mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn rất tế nhị. Trong vài lần va chạm anh có tát chị V và đập điện thoại của chị V. Ngày 18/5/2017, chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2018, anh đưa cháu T2 về ở cùng với bố mẹ đẻ chị V để chị V yên tâm làm ăn. Từ khi chị V sang Đài Loan đến đầu năm 2022, thỉnh thoảng chị V có gửi tiền cho anh thông qua chị gái chị V là chị N1, con gái riêng của chị V là cháu H2, tổng cộng khoảng 200.000.000 đồng. Anh tính bình quân mỗi tháng chị V chỉ đưa cho anh được khoảng 3.000.000 đồng nhưng chị V lại cứ cho rằng anh không tiết kiệm, chơi bời hoang phí, cho rằng anh lấy tiền để chơi bời cờ bạc, lô

đề. Khoảng tháng 2, tháng 3 năm 2022, cháu H2 con riêng chị V có mang 01 tờ đơn ly hôn đánh sẵn đưa cho anh ký và đưa cả bản sao các giấy tờ cá nhân của anh để anh ký rồi cháu H2 nộp cho Tòa án, chị V đặt ra điều kiện với anh là nếu anh ký đơn ly hôn thì chị V cho anh 20 triệu; Vì lúc đó anh đang rất cần tiền để làm ăn nên anh đã đồng ý. Bố để chị V đưa cho anh 20 triệu, anh nhận tiền và viết Giấy cam kết vay bố để chị V 20 triệu đồng rồi chị ký đơn ly hôn. Sau đó anh có đến Tòa án, anh được đọc lại tờ đơn ly hôn đó, anh thấy cháu H2 đánh nội dung đơn ghi nguyên nhân mâu thuẫn không đúng thực tế nên anh đã đề nghị rút đơn khởi kiện xin ly hôn.

Chị V đã cắt đứt liên lạc với anh tính đến nay là 4 năm. Chị V mua điện thoại cho cháu T2 và tự hai mẹ con liên lạc với nhau, không liên lạc trực tiếp với anh. Tháng 10/2022, chị V có về nước nhưng không thông báo với anh; theo cháu T2 cho anh biết là anh rẻ chị V và con riêng chị V đi đón chị V. Anh có nhắc cháu T2 bảo chị V sang thấp hương cho ông bà nội nhưng chị V không về. Anh đã đợi mưa sang nhà mẹ chị V để gặp chị V nhưng gia đình chị V gồm bố mẹ đẻ chị V, vợ chồng chị gái chị V và cháu H2 gây sự với anh, đánh đuổi anh trước mặt cháu T2. Nay chị V xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh thương cháu T2, cháu chưa đủ 18 tuổi, khi nào cháu đủ 18 tuổi anh và chị V sẽ bàn bạc, thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là cháu T2 như chị V đã trình bày. Thời gian trước, cháu T2 ở với ông bà ngoại cháu để tiện việc học tập của cháu, thời gian gần đây cháu T2 về ở với anh. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến về việc nuôi con sau ly hôn.

Anh không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

**\* Lời khai của ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1938; địa chỉ: thôn 2, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình - là bố đẻ chị V thể hiện:**

Chị V trước đây đã có một đời chồng là anh Vũ Xuân T5 nhưng chị V và anh T5 đã ly hôn.

Năm 2007, chị V và anh H gặp nhau và tự nguyện chung sống với nhau. Tháng 8/2008, chị V sinh cháu Phạm T2. Tháng 12/2008, chị V và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1. Sau khi anh H, chị V kết hôn thì vợ chồng chị V về ở cùng với gia đình ông. Khoảng cuối năm 2010, vợ chồng chị V sang tỉnh Ninh Bình làm ăn. Tháng 5/2017, chị V đi lao động tại Đài Loan, anh H và cháu T2 vẫn ở Ninh Bình. Khi chị V đi được hơn 1 năm, anh H đưa cháu T2 về ở với gia đình ông. Thời gian đầu anh H mở quán quay vẹt ở xã V4, ông thấy anh H cũng chịu khó làm ăn và cũng nhanh nhẹn, nhiệt tình với mọi người nên gia đình ông rất mừng nhưng chỉ được khoảng nửa năm thì anh H không làm quán nữa và thường xuyên rủ mọi người đến nhà ông uống rượu, say xỉn. Ông và các con rẻ ông đều động viên anh H tìm công ăn, việc làm

để duy trì cuộc sống gia đình và hạn chế việc chơi bời, rượu chè nhưng anh H không nghe lời. Nhiều lần say xỉn, anh H đã chửi bới những người xung quanh kể cả các anh rể cũng như họ hàng, hàng xóm. Anh H có thời gian đi làm thợ cơ khí, làm bốc vác nhưng ở đâu cũng vậy, chỉ được một thời gian ngắn là anh H lại uống rượu, gây sự, chửi bới những người làm cùng nên họ không cho anh H làm. Anh H ở cùng vợ chồng ông, mọi chi phí ăn uống, điện nước đều do vợ chồng ông chi trả nhưng anh H vẫn trách móc, tra khảo chuyện tiền nong của vợ ông. Ông được biết là chị V vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh H chi tiêu nhưng anh H đã dùng vào việc chơi bời, lô đề và uống rượu hết; thậm chí còn mua lô đề chịu của ông Đ2 ở xã V4, huyện V2, ông Đ2 đã sang tận nhà ông đòi tiền và chị V đã phải gửi tiền về cho anh H trả nợ cho ông Đ2. Hai lần anh H còn nói với ông là cần vốn để mở lại hàng vịt quay, ông có động viên chị V gửi tiền về cho anh H nhưng cả hai lần anh H đều tiêu hết tiền nhưng không mở hàng. Ông thấy chị V gọi điện về thì chỉ nói chuyện được vài câu anh H đã chửi chị V; vì vậy thời gian gần đây, chị V không gọi điện cho anh H nữa. Ông tìm hiểu lý do vì sao anh H lại không quay lại xã V4 để mở hàng thì được biết là do anh H còn nợ tiền lô đề của người dân ở bên đó nên không dám sang làm ăn nữa. Do anh H không thay đổi tính nết nên khoảng đầu tháng 4 năm 2022, chị V có điện thoại cho anh H bảo anh H nộp đơn ly hôn, anh H đã ra điều kiện với chị V là phải đưa cho anh H 30.000.000 đồng thì anh H mới nộp đơn ly hôn, chị V đồng ý. Ngay sau đó, chị V đã gửi tiền cho cháu Vũ Thị H2 là con riêng của chị V, cháu H2 đã đưa cho anh H 20.000.000 đồng để anh H đi nộp đơn ly hôn. Anh H đã lấy tiền của chị V tiêu xài hết và sau đó lại rút đơn về. Khoảng đầu tháng 5/2022, bà X1 vợ ông có nói với anh H là tình hình anh cứ như thế này thì gia đình ông không thể chịu đựng được, anh về bên quê mà ở. Ngày 23/5/2022, anh H đưa cháu T2 về ở nhà bố để anh H ở thôn X, xã X2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Đến tháng 9/2022, anh H đưa cháu T2 về nhà ông ở để cho cháu tiếp tục đi học. Ngày 13/10/2022, chị V từ Đài Loan về Việt Nam để làm đơn ly hôn anh H. Biết tin chị V về, anh H có về nhà ông nhưng các con ông không cho anh H ở lại. Ngày 03/11/2022, chị V có nhờ cháu H3 là con rể điện thoại trước cho anh H để báo cho anh H ở nhà, chị V xuống thấp hương cho bố mẹ anh H và nói chuyện ly hôn nhưng anh H đã trả lời là anh H không có nhà, chị V muốn ly hôn thì phải gặp anh nói chuyện chứ anh không lên Tòa. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh H để chị V sớm ổn định đời sống.

**\* Lời khai của chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn 10, xã V1, tỉnh Thái Bình - là chị gái chị V thể hiện:** Vào lúc 11 giờ ngày 15/6/2023, chị có gọi điện cho em gái là chị V để hỏi xem tình hình vợ chồng chị V như thế nào. Chị V có kể với chị: sau khi anh H nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa của Tòa án, anh H có nhắn tin cho

chị V nói là không muốn ly hôn, nhưng chị V vẫn kiên quyết muốn ly hôn vì chị V xác định anh H không bao giờ thay đổi được tính nết, cuối cùng thì anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng nói là nếu ly hôn thì phải để anh H được nuôi con chung là cháu Phạm T2, anh H không cần gì hết, anh H còn tuyên bố là không bao giờ đến Tòa án.

Chị V có nhờ chị đến Tòa án để khai báo nội dung trên và ý kiến với Hội đồng xét xử: giải quyết cho chị V được ly hôn anh H, giao con Phạm T2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị V sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, chị V không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản.

Ý kiến của cá nhân chị H5 như sau: Bản thân chị cũng nhìn thấy cái tốt của anh H là người khéo ăn khéo nói, sạch sẽ nhưng anh H không chịu khó làm ăn, lại còn hay nhậu nhẹt, say xỉn, tụ tập bạn bè xã hội và còn vay tiền của nhiều người không trả để họ phải đến tận nhà bố mẹ chị tìm gặp chị V để đòi nợ, thực tế từ trước đến nay chị V đã rất nhiều lần gửi tiền về cho cháu H2 là con gái riêng chị V để đưa anh H trả nợ. Còn việc chi tiêu cho cháu T2 thì chị V cũng gửi tiền cho cháu H2 để lo cho em vì cháu T2 ở với chị, cháu T2 mới về ở với anh H được khoảng 02 tuần nay (từ khi cháu thi tốt nghiệp THPT) thấy anh H và chị V không thể tiếp tục trở lại đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh H, giao cháu T2 cho anh H nuôi là phù hợp vì chị V chưa biết đến bao giờ mới trở về Việt Nam, cháu H2 con riêng chị V hiện còn phải chăm sóc 03 con nhỏ nên không thể tiếp tục trông nom em được.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; xử cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn anh Phạm Đức H; giao 01 con chung Phạm T2, sinh ngày 09/10/2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; đặt trách nhiệm cho chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2023 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn là chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[2] Về nội dung:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình ngày 20/12/2008 – đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị V, anh H, cùng như lời khai của ông S, chị H5 đã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V và anh H ly hôn là phù hợp.

*[2.2] Về con chung:* Chị V và anh H có 01 con chung là Phạm T2 sinh ngày 09/10/2008, hiện nay đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị V hiện đang lao động ở nước ngoài, chưa biết đến khi nào trở lại Việt Nam. Để ổn định cuộc sống của cháu T2; Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2023 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

*[2.3] Về tài sản chung:* Chị V, anh H không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[2.4] Về án phí:* Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn anh Phạm Đức H.

**2.** Về con chung: Giao con chung Phạm T2 sinh ngày 09/10/2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Chị V, anh H có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo Biên lai số 0005518 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình; chị V còn phải nộp 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Lan Anh**